TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2024/TT-TANDTC	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

THÔNG TƯ
Quy định tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật số 74/2014QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014, Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2024/UBTVQH15 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về cục, vụ và tương đương, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 2. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao

1. Các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao gồm:

a) Văn phòng;

b) Cục Kế hoạch - Tài chính;

c) Cục Công nghệ thông tin;

d) Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự (Vụ Giám đốc, kiểm tra I);

đ) Vụ Giám đốc, kiểm tra về dân sự (Vụ Giám đốc, kiểm tra II);

e) Vụ Giám đốc, kiểm tra về kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên (Vụ Giám đốc, kiểm tra III);

g) Vụ Giám đốc, kiểm tra về hành chính (Vụ Giám đốc, kiểm tra IV);

h) Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học;

i) Vụ Tổ chức - Cán bộ;

k) Vụ Hợp tác quốc tế;

l) Vụ Công tác phía Nam;

m) Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao;

n) Học viện Tòa án;

o) Báo Công lý;

p) Tạp chí Tòa án nhân dân.

2. Chức vụ, chức danh trong các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao gồm:

a) Văn phòng, Cục, Vụ và tương đương của Tòa án nhân dân tối cao có Vụ trưởng hoặc tương đương, Phó Vụ trưởng hoặc tương đương, Trưởng phòng hoặc tương đương, Phó Trưởng phòng hoặc tương đương, Thẩm phán Tòa án nhân dân, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác và người lao động;

b) Học viện Tòa án có Giám đốc Học viện, Phó Giám đốc Học viện, Trưởng khoa và tương đương, Phó Trưởng khoa và tương đương, viên chức và người lao động;

c) Báo Công lý, Tạp chí Tòa án nhân dân có Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên và người lao động.

Điều 3. Văn phòng

1. Văn phòng có chức năng tham mưu, giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tổ chức thực hiện các hoạt động phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao; là đơn vị thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tòa án nhân dân. Chánh Văn phòng là người phát ngôn của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Văn phòng có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Các đơn vị thuộc Văn phòng gồm:

a) Phòng Tham mưu tổng hợp;

b) Phòng Tiếp công dân và Xử lý đơn tư pháp;

c) Phòng Thi đua - Khen thưởng;

d) Phòng Văn thư - Lưu trữ;

đ) Phòng Tài vụ;

e) Phòng Quản trị;

g) Phòng Thông tin - Truyền thông;

h) Phòng Tiếp công dân và Xử lý đơn khu vực phía Nam;

i) Phòng Quản trị khu vực phía Nam.

4. Văn phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, triển khai, theo dõi, đôn đốc thực hiện chỉ thị, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ công tác của Tòa án nhân dân; sơ kết, tổng kết công tác của Tòa án nhân dân;

b) Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình hoạt động của các Tòa án; xây dựng báo cáo công tác của Tòa án; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội;

c) Tổ chức công tác tiếp công dân;

d) Tiếp nhận, xử lý văn bản đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; thụ lý vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền;

đ) Tổ chức chuẩn bị, phục vụ công tác xét xử, đề xuất phân công Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giải quyết văn bản đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm;

e) Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phân công;

g) Xây dựng văn bản, triển khai, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Tòa án nhân dân;

h) Thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu theo quy định của pháp luật và của Tòa án nhân dân tối cao;

i) Quản lý, hướng dẫn công tác thống kê, văn thư, lưu trữ đối với các Tòa án theo quy định của pháp luật;

k) Quản lý kinh phí và thực hiện công tác tài chính, kế toán theo phân cấp của Tòa án nhân dân tối cao và quy định của pháp luật;

l) Quản lý tài sản, cơ sở vật chất; bảo đảm hậu cần, trang thiết bị, điều kiện làm việc; thực hiện công tác bảo vệ, an ninh trật tự, an toàn, phòng cháy, chữa cháy, y tế của Tòa án nhân dân tối cao;

m) Quản lý, vận hành nhà khách Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định;

n) Thực hiện nghi lễ, khánh tiết; tổ chức sự kiện, thăm hỏi, thăm viếng, tang lễ và nghi lễ khác;

o) Quản lý, điều hành và sử dụng phương tiện phục vụ hoạt động của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định;

p) Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền của Tòa án;

q) Tổ chức sưu tầm, bổ sung tài liệu, bảo quản hiện vật lịch sử, tuyên truyền, giáo dục truyền thống của Tòa án nhân dân;

r) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội Tòa án nhân dân tối cao chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công chức, viên chức, người lao động Tòa án nhân dân tối cao; quản lý Quỹ tình nghĩa của Tòa án nhân dân;

s) Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị;

t) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 4. Cục Kế hoạch - Tài chính

1. Cục Kế hoạch - Tài chính có chức năng tham mưu, giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quản lý công tác tài chính, ngân sách, kế toán, đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công trong Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; là đơn vị mua sắm tập trung của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Cục Kế hoạch - Tài chính có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Các đơn vị thuộc Cục Kế hoạch - Tài chính gồm:

a) Văn phòng;

b) Phòng Quản lý Ngân sách và Công sản;

c) Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng.

4. Cục Kế hoạch - Tài chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quản lý công tác tài chính, kế toán, tài sản công, đầu tư công trong các Tòa án nhân dân và đơn vị dự toán thuộc Tòa án nhân dân tối cao; xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, quy hoạch, đề án, dự án về quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản, đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất;

b) Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của Tòa án nhân dân; lập kế hoạch phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí cho các Tòa án nhân dân và đơn vị dự toán thuộc Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, đôn đốc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản, đầu tư, xây dựng trong Tòa án nhân dân;

d) Kiểm tra, đánh giá việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công của các Tòa án nhân dân và đơn vị dự toán thuộc Tòa án nhân dân tối cao và đề xuất, kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng theo ủy quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

e) Xây dựng tiêu chuẩn, định mức, đơn giá, văn bản về lĩnh vực kế hoạch tài chính;

g) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác tài chính, kế toán, tài sản công, đầu tư xây dựng;

h) Xây dựng báo cáo về lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

i) Thẩm định các nội dung liên quan đến đầu tư, xây dựng; tiêu chuẩn, định mức trang bị tài sản công của Tòa án nhân dân, theo quy định của pháp luật;

k) Kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công, đầu tư công của Tòa án nhân dân;

l) Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị; xây dựng chiến lược cải cách, hiện đại hóa cơ sở vật chất trong Tòa án nhân dân;

m) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 5. Cục Công nghệ thông tin

1. Cục Công nghệ thông tin có chức năng tham mưu, giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quản lý và tổ chức thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin,

chuyển đổi số; bảo đảm an toàn an ninh mạng; xây dựng Tòa án điện tử trong Tòa án nhân dân.

2. Các đơn vị thuộc Cục Công nghệ thông tin gồm:

a) Phòng Hạ tầng và An toàn thông tin;

b) Phòng Dữ liệu và Nền tảng số;

c) Phòng Giám sát, điều hành và Thông tin số.

3. Cục Công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số trong Tòa án nhân dân;

b) Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch về chuyển đổi số trong Tòa án nhân dân;

c) Xây dựng quy trình tin học hóa đối với quy trình nghiệp vụ trong hoạt động của Tòa án nhân dân; thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động của Tòa án dựa trên công nghệ số, dữ liệu số, lưu trữ số;

d) Xây dựng chính sách phát triển, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong Tòa án nhân dân;

đ) Thẩm tra, thẩm định và đánh giá hiệu quả đầu tư đối với chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, dự án mua sắm hoặc dự án khác về lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ số theo quy định của pháp luật;

e) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với hạ tầng kỹ thuật số, hệ thống thông tin do Tòa án nhân dân tối cao đầu tư, trang bị;

g) Quản lý, lưu trữ dữ liệu số thuộc phạm vi quản lý của Tòa án nhân dân tối cao;

h) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy định của pháp luật và của Tòa án nhân dân tối cao về an toàn thông tin, an ninh mạng và chuyển đổi số trong Tòa án nhân dân;

i) Xây dựng, nâng cấp, quản lý, vận hành và khai thác Trung tâm dữ liệu Tòa án nhân dân, Trung tâm giám sát và điều hành hoạt động Tòa án nhân dân; hạ tầng kỹ thuật số, hệ thống thông tin, nền tảng số của Tòa án nhân dân tối cao;

k) Kết nối, liên thông hệ thống công nghệ thông tin trong Tòa án nhân dân và giữa Tòa án nhân dân với cơ quan nhà nước khác; quản lý, triển khai chương trình, dự án phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin do cơ quan, tổ chức trong, ngoài nước tài trợ, hỗ trợ cho Tòa án nhân dân tối cao;

l) Triển khai, tích hợp, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử của Toà án phục vụ chuyển đổi số;

m) Quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử do Tòa án nhân dân tối cao đầu tư, trang bị;

n) Giám sát, tổng hợp thông tin, dữ liệu về tình hình hoạt động của Tòa án trên nền tảng số của Tòa án nhân dân; theo dõi thông tin về tổ chức và hoạt động của Tòa án trên không gian mạng;

o) Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị;

p) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 6. Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự (Vụ Giám đốc, kiểm tra I)

1. Vụ Giám đốc, kiểm tra I có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong công tác giám đốc, kiểm tra về lĩnh vực hình sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Vụ Giám đốc, kiểm tra I thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nghiên cứu, giải quyết văn bản yêu cầu, đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm về lĩnh vực hình sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao;

b) Nghiên cứu đề xuất việc xem xét, giải quyết kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định về lĩnh vực hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ phiên họp, phiên tòa xét xử của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về lĩnh vực hình sự;

d) Kiểm tra nghiệp vụ công tác giải quyết xét xử vụ án hình sự của các Tòa án; theo dõi công tác thi hành án hình sự trong Tòa án nhân dân;

đ) Thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác thi hành án tử hình, thi hành án hình sự, đại xá, đặc xá theo quy định của pháp luật;

e) Xây dựng kế hoạch, báo cáo các vụ, việc thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo;

g) Thực hiện nhiệm vụ liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực hình sự;

h) Tổng kết thực tiễn xét xử, đề xuất án lệ về lĩnh vực hình sự;

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về tố tụng trong lĩnh vực hình sự;

k) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 7. Vụ Giám đốc, kiểm tra về dân sự (Vụ Giám đốc, kiểm tra II)

1. Vụ Giám đốc, kiểm tra II có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong công tác giám đốc, kiểm tra về lĩnh vực dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Vụ Giám đốc, kiểm tra II thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nghiên cứu, giải quyết văn bản yêu cầu, đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm về lĩnh vực dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao;

b) Nghiên cứu đề xuất việc xem xét, giải quyết kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định về lĩnh vực dân sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ phiên họp, phiên tòa xét xử của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về lĩnh vực dân sự;

d) Kiểm tra nghiệp vụ công tác giải quyết xét xử vụ án dân sự của các Tòa án;

đ) Thực hiện nhiệm vụ liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực dân sự;

e) Tổng kết thực tiễn xét xử, đề xuất án lệ về lĩnh vực dân sự;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về tố tụng trong lĩnh vực dân sự;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 8. Vụ Giám đốc, kiểm tra về kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên (Vụ Giám đốc, kiểm tra III)

1. Vụ Giám đốc, kiểm tra III có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong công tác giám đốc, kiểm tra về lĩnh vực kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Vụ Giám đốc, kiểm tra III thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nghiên cứu, giải quyết văn bản yêu cầu, đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm về lĩnh vực kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao;

b) Nghiên cứu đề xuất việc xem xét, giải quyết kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định về lĩnh vực kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ phiên họp, phiên tòa xét xử của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về lĩnh vực kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên;

d) Kiểm tra nghiệp vụ công tác giải quyết xét xử vụ án kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên của các Tòa án;

đ) Thực hiện nhiệm vụ liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên;

e) Tổng kết thực tiễn xét xử, đề xuất án lệ về lĩnh vực kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về tố tụng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, lao động, gia đình và người chưa thành niên;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 9. Vụ Giám đốc, kiểm tra về hành chính (Vụ Giám đốc, kiểm tra IV)

1. Vụ Giám đốc, kiểm tra IV có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong công tác giám đốc, kiểm tra về lĩnh vực hành chính thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Vụ Giám đốc, kiểm tra IV thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nghiên cứu, giải quyết văn bản yêu cầu, đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm về lĩnh vực hành chính thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao;

b) Nghiên cứu đề xuất việc xem xét, giải quyết kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định về lĩnh vực hành chính của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ phiên họp, phiên tòa xét xử của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về lĩnh vực hành chính;

d) Kiểm tra nghiệp vụ công tác giải quyết xét xử vụ án hành chính của các Tòa án;

đ) Thực hiện nhiệm vụ liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực hành chính;

e) Tổng kết thực tiễn xét xử, đề xuất án lệ về lĩnh vực hành chính;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về tố tụng trong lĩnh vực hành chính;

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 10. Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học

1. Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; phát triển án lệ và quản lý khoa học; là cơ quan thường trực của Hội đồng khoa học Tòa án nhân dân tối cao.

2. Các đơn vị thuộc Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, gồm:

a) Phòng Pháp luật hình sự, hành chính, gia đình và người chưa thành niên (Phòng I);

b) Phòng Pháp luật dân sự, kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động (Phòng II);

c) Phòng Tổng kết thực tiễn xét xử và phát triển án lệ (Phòng III);

d) Phòng Quản lý khoa học (Phòng IV).

3. Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

b) Phối hợp với Chính phủ và các bộ, ngành xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tổng kết thực tiễn xét xử trong các lĩnh vực pháp luật liên quan;

c) Phát triển án lệ; tổng kết thực tiễn xét xử và bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử;

d) Lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xây dựng dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

đ) Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao xây dựng;

e) Tổ chức rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

g) Phát hiện, kiến nghị về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật trong xét xử theo quy định của luật;

h) Tổ chức tập huấn, xây dựng tài liệu tập huấn văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động của Tòa án và văn bản quy phạm pháp luật khác;

i) Quản lý, tổ chức triển khai nghiên cứu, giao nghiên cứu nhiệm vụ khoa học liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án cho đơn vị, cá nhân trong Tòa án nhân dân;

k) Thực hiện cải cách tư pháp của Tòa án nhân dân;

l) Thực hiện kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật;

m) Là đầu mối phối hợp với bộ, ngành liên quan trong công tác bổ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý; bồi thường nhà nước; phổ biến, giáo dục pháp luật; giám định tư pháp; công chứng, luật sư; thi hành án dân sự; lý lịch tư pháp và những lĩnh vực khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án;

n) Quản lý thư viện, tổ chức giới thiệu sách, báo, tài liệu pháp lý cần thiết cho Thẩm phán, công chức, viên chức và người lao động trong Tòa án nhân dân;

o) Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị;

p) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 11. Vụ Tổ chức - Cán bộ

1. Vụ Tổ chức - Cán bộ có chức năng tham mưu, giúp cấp ủy có thẩm quyền trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quản lý các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự về tổ chức theo quy định.

2. Các đơn vị thuộc Vụ Tổ chức - Cán bộ, gồm:

a) Phòng Tổng hợp;

b) Phòng Cán bộ trung ương;

c) Phòng Cán bộ địa phương;

d) Phòng Bảo vệ chính trị nội bộ;

e) Phòng Đào tạo, bồi dưỡng.

3. Vụ Tổ chức - Cán bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thể chế hóa quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tổ chức cán bộ; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, đề án, quy định, quy chế về tổ chức cán bộ và chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động trong Tòa án nhân dân;

b) Thực hiện công tác tổ chức cán bộ và quản lý cán bộ trong Tòa án nhân dân;

c) Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định về tổ chức bộ máy và biên chế, số lượng, cơ cấu tỷ lệ bậc Thẩm phán Tòa án nhân dân tại các Tòa án;

d) Phân bổ biên chế, số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân và công chức, viên chức cho các đơn vị, Tòa án; quyết định về danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong Tòa án nhân dân;

đ) Quy định về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, Cục, Vụ và tương đương, cơ quan báo chí và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Tòa án nhân dân tối cao; thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, vụ thuộc Tòa án nhân dân cấp cao; Văn phòng, phòng thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh; bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt;

e) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện biên chế, quản lý cán bộ của Tòa án nhân dân; kiểm tra việc thực hiện quy định phân cấp quản lý cán bộ;

g) Phối hợp với Bộ Quốc phòng quản lý Tòa án quân sự về tổ chức cán bộ; quy định biên chế; thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc của Tòa án quân sự các cấp;

h) Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán Tòa án nhân dân, Hội thẩm nhân dân, Hòa giải viên và công chức, viên chức của Tòa án nhân dân; xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng của Tòa án nhân dân; xây dựng, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; phối hợp với Cục Kế hoạch - Tài chính trong công tác phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cơ sở đào tạo theo quy định;

i) Tổ chức thi tuyển chọn, xét nâng bậc Thẩm phán Tòa án nhân dân; thi, xét nâng ngạch Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án và công chức khác; xét thăng hạng viên chức trong Tòa án nhân dân;

k) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác tổ chức cán bộ cho Tòa án nhân dân;

l) Quản lý công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Tòa án nhân dân;

m) Giúp việc cho cấp ủy có thẩm quyền trong công tác tổ chức xây dựng Đảng;

n) Giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

o) Thực hiện kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ của Tòa án nhân dân;

p) Hướng dẫn công tác bầu Hội thẩm của Tòa án nhân dân các cấp, công tác tuyển chọn và bổ nhiệm Hòa giải viên, quyết định số lượng Hòa giải viên của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện;

q) Quản lý và thực hiện việc cấp Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao;

r) Thẩm định quy chế tổ chức, hoạt động của đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao;

s) Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác tổ chức cán bộ của Tòa án nhân dân;

t) Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị;

u) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 12. Vụ Hợp tác quốc tế

1. Vụ Hợp tác quốc tế có chức năng tham mưu, giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong công tác hợp tác quốc tế và nghiên cứu pháp luật quốc tế.

2. Các đơn vị thuộc Vụ Hợp tác quốc tế gồm:

a) Phòng Pháp luật quốc tế;

b) Phòng Quan hệ quốc tế.

3. Vụ Hợp tác quốc tế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quản lý hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp; tổ chức hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của Tòa án nhân dân;

b) Xây dựng chiến lược phát triển công tác đối ngoại, kế hoạch phát triển về đối ngoại, hợp tác quốc tế của Tòa án nhân dân;

c) Là đầu mối thực hiện các hoạt động đối ngoại của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại các diễn đàn quốc tế;

d) Thực hiện thủ tục ký kết thỏa thuận, biên bản ghi nhớ về hợp tác quốc tế thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân;

đ) Tham gia quá trình đàm phán, ký kết điều ước quốc tế; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế;

e) Tham gia nội luật hóa điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Nghiên cứu pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài phục vụ cho sự phát triển của nền tư pháp Việt Nam;

h) Tham gia diễn đàn, hội nghị, hoạt động quốc tế về tư pháp quốc tế và tương trợ tư pháp;

i) Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ hoạt động tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù theo quy định pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

k) Phối hợp với nhà tài trợ, cơ quan nhà nước trong việc vận động, tiếp nhận và thực hiện chương trình, dự án hợp tác quốc tế do Tòa án nhân dân tối cao chủ trì hoặc tham gia;

l) Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế của Tòa án nhân dân;

m) Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị;

n) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 13. Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao

1. Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao có chức năng tham mưu, giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong Tòa án nhân dân.

2. Các đơn vị thuộc Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao gồm:

a) Phòng Thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ;

b) Phòng Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo;

c) Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

3. Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong Tòa án nhân dân trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện;

b) Căn cứ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham mưu xây dựng kế hoạch, đề xuất giải pháp về nâng cao kỷ cương, kỷ luật công vụ, quản lý công chức, viên chức, người lao động trong Tòa án nhân dân;

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Tòa án nhân dân;

d) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức và người lao động trong Tòa án nhân dân theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt;

đ) Xây dựng kế hoạch thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân;

e) Quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Tòa án nhân dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, trừ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật tố tụng;

g) Quản lý, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; hướng dẫn thực hiện về minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định;

h) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đối với vụ việc thuộc thẩm quyền theo phân cấp. Thanh tra lại vụ việc đã được Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật qua xem xét, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

i) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

k) Thực hiện báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

l) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 14. Học viện Tòa án

1. Học viện Tòa án có chức năng đào tạo đại học, sau đại học các chuyên ngành Luật; đào tạo nghiệp vụ xét xử, nghiệp vụ Thẩm tra viên Tòa án, nghiệp vụ

Thư ký Tòa án; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chức danh tư pháp, công chức khác, viên chức trong Tòa án nhân dân, Hòa giải viên và Hội thẩm nhân dân; nghiên cứu khoa học phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

2. Học viện Tòa án là đơn vị sự nghiệp thuộc Tòa án nhân dân tối cao, có trụ sở chính tại Hà Nội, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Học viện Tòa án gồm:

a) Hội đồng Học viện Tòa án;

b) Các đơn vị thuộc Học viện Tòa án gồm: Khoa Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Tòa án; Khoa Đại học; Phòng Quản lý đào tạo; Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo; Phòng Tổ chức, hành chính; Phòng Nghiên cứu khoa học Tòa án, thông tin và thư viện; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Học viện Tòa án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Tòa án theo quy định;

b) Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch và giải pháp bảo đảm chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Tòa án nhân dân;

c) Tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thuộc chức năng của Học viện Tòa án;

d) Tổ chức biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo, bồi dưỡng, giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo và tài liệu khác phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học;

đ) Tổ chức nghiên cứu khoa học, đề xuất án lệ, ứng dụng và phát triển kết quả nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và phục vụ hoạt động của Tòa án nhân dân;

e) Cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật;

g) Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, tư liệu, thư viện đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học;

h) Hợp tác, liên kết với cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học khi được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt;

i) Thực hiện công tác cán bộ theo phân cấp;

k) Tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo phân cấp và quy định của pháp luật;

l) Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo phân cấp và quy định của pháp luật;

m) Sử dụng, quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện theo quy định của pháp luật và của Tòa án nhân dân tối cao;

n) Huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính theo phân cấp và quy định của pháp luật;

o) Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hành tiết kiệm trong hoạt động của Học viện Tòa án; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;

p) Thực hiện chế độ thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về lĩnh vực, nhiệm vụ thuộc chức năng của Học viện Tòa án theo quy định của pháp luật và của Tòa án nhân dân tối cao;

q) Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng nếp sống văn hóa, tạo môi trường sư phạm trong Học viện Tòa án;

r) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 15. Báo Công lý

1. Báo Công lý là cơ quan ngôn luận của Tòa án nhân dân tối cao, thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao theo tôn chỉ, mục đích được quy định trong giấy phép hoạt động của Báo Công lý; tuyên truyền, phổ biến chủ

trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoạt động xây dựng, thi hành, áp dụng pháp luật và công tác Tòa án phục vụ yêu cầu quản lý của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Báo Công lý chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Tòa án nhân dân tối cao; chịu sự quản lý, định hướng thông tin về báo chí của cơ quan có thẩm quyền. Báo Công lý hoạt động theo quy định của Luật Báo chí, quy định của pháp luật có liên quan và của Tòa án nhân dân tối cao.

3. Báo Công lý gồm Báo in và Báo Điện tử, là đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Tòa án nhân dân tối cao, có trụ sở tại Hà Nội, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

4. Các đơn vị thuộc Báo Công lý gồm:

a) Phòng Phóng viên;

b) Phòng Thư ký biên tập;

c) Phòng Trị sự;

d) Phòng Tài chính - Kế toán;

đ) Phòng Truyền thông và Phát triển nội dung số.

5. Báo Công lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt kế hoạch hoạt động của đơn vị;

b) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các đề án, dự thảo văn bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị;

c) Tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch có liên quan đến tổ chức, hoạt động của đơn vị; đề án, chương trình, kế hoạch hoạt động của đơn vị sau khi được phê duyệt;

d) Tổ chức sản xuất ấn phẩm báo in, báo điện tử, báo hình, chuyên trang điện tử phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật về báo chí, thông tin và truyền thông;

đ) Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoạt động xây dựng, thi hành, áp dụng pháp luật và hoạt động của Tòa án nhân dân; phản ánh dư luận xã hội;

g) Tổ chức, tham gia chương trình hoạt động xã hội phục vụ nhiệm vụ chính trị của Tòa án nhân dân tối cao;

h) Thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ thông tin, truyền thông và dịch vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật;

k) Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, quản lý tài sản theo phân cấp và quy định của pháp luật;

l) Thực hiện công tác quản lý viên chức, người lao động, cộng tác viên và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo phân cấp và quy định của pháp luật;

m) Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thực hành tiết kiệm trong hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật và của Tòa án nhân dân tối cao;

n) Báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị;

o) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 16. Tạp chí Tòa án nhân dân

1. Tạp chí Tòa án nhân dân là diễn đàn khoa học pháp lý, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn và lý luận về giải quyết, xét xử vụ án, vụ việc; về tổ chức, hoạt động của Tòa án nhân dân; bình luận án lệ và nghiên cứu khoa học xét xử.

2. Tạp chí Tòa án nhân dân chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Tòa án nhân dân tối cao; chịu sự quản lý, định hướng thông tin về báo chí của cơ quan có thẩm quyền. Tạp chí Tòa án nhân dân hoạt động theo quy định của Luật Báo chí, quy định của pháp luật có liên quan và của Tòa án nhân dân tối cao.

3. Tạp chí Tòa án nhân dân gồm Tạp chí in và Tạp chí điện tử, là đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Tòa án nhân dân tối cao, có trụ sở tại Hà Nội, có tư cách pháp

nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

4. Các đơn vị thuộc Tạp chí Tòa án nhân dân gồm:

a) Phòng Tạp chí in (Phòng I);

b) Phòng Tạp chí điện tử và nghiên cứu khoa học xét xử (Phòng II);

c) Phòng Trị sự (Phòng III).

5. Tạp chí Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động và phát triển của Tạp chí Tòa án nhân dân;

b) Xuất bản, phát hành chuyên đề, ấn phẩm về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật và phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

c) Tiếp nhận, tuyển chọn, biên tập bài, xuất bản và phát hành ấn phẩm in, Trang thông tin điện tử do Tạp chí Tòa án nhân dân xây dựng và quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Phổ biến, đăng tải văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

đ) Tổ chức nghiên cứu khoa học xét xử; tiếp nhận, công bố công trình, kết quả nghiên cứu khoa học xét xử;

e) Quản lý công tác tài chính, kế toán, tài sản theo phân cấp và quy định của pháp luật;

g) Thực hiện công tác quản lý viên chức, người lao động; công tác thi đua, khen thưởng theo phân cấp và quy định của pháp luật;

h) Tổ chức thực hiện khai thác thông tin quảng cáo, tài trợ theo quy định của pháp luật để bảo đảm một phần chi phí cho hoạt động nghiệp vụ;

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thực hành tiết kiệm trong hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật và của Tòa án nhân dân tối cao;

k) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo Giấy phép hoạt động, Luật Báo chí và phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ điểm h và điểm i khoản 3 Điều 3 có hiệu lực thi hành kể từ ngày Vụ Công tác phía Nam kết thúc hoạt động theo quy định của pháp luật, quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

Vụ Công tác phía Nam tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, bộ máy theo Quyết định số 918/2015/QĐ-TANDTC ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao cho đến khi có quy định của pháp luật, quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của đơn vị quy định tại Thông tư này, Thủ trưởng đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao tổ chức xây dựng quy chế hoạt động của đơn vị trình lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất, kiến nghị thì phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để tổng hợp, báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định./.

CHÁNH ÁN

Lê Minh Trí